

Name:.....

Grade: 4



Review Unit 11+12+13+14+15

Unit 11: What time is it?

Lesson 1

1 Từ vựng



2 Mẫu câu: Hỏi và đáp về thời gian

time/What/it/ is/ ?

seven /It's /o'clock



Unit 11: What time is it?

Lesson 2

1 Từ vựng

1 up



4 have d



2 have br



3 go school



5 to bed



2 Mẫu câu: Hỏi đáp thời gian thực hiện hành động nào đó

do /What /you/ get up/ time/?

six /I /at /o'clock/ get up

UNIT 12: WHAT DOES YOUR FATHER DO?

Lesson 1

1 Từ vựng

1 job



4

2



5

3



6. factory

7



2 Hỏi đáp nghề nghiệp các thành viên trong gia đình
your/ What/ father/ do/ does/?

a/ He/ farmer/ is/

UNIT 12: WHAT DOES YOUR FATHER DO?

Lesson 2

1 Từ vựng

1



3

2



4



2 Mẫu câu: Hỏi đáp nơi làm việc

does /Where/ a /work/ nurse/?

in a hospital / A nurse /works/



Unit 13: Would you like some milk?

Lesson 1

1 Từ vựng

1 : đồ ăn

2.

3.

4.b

5.

6.

7.

8.



2 Mẫu câu: Hỏi đáp đồ ăn/ đồ uống yêu thích

What's / your /favourite drink?

milk/It's

Unit 13: Would you like some milk?

Lesson 2

1 Từ vựng

1

2

3

4

5



2 Mẫu câu: Lời mời ai đó đồ ăn/ đồ uống

some /Would/ you/ like/ milk/?

Yes, please (No, thanks)

UNIT 14. WHAT DOES HE LOOK LIKE?

Lesson 1

1 Từ vựng

1 ><



3

><



2 ><



2 Mẫu câu: Hỏi đáp về ngoại hình của ai đó

does /What/ like/ she /look/?

is /She/ tall



UNIT 14. WHAT DOES HE LOOK LIKE?

Lesson 2

1 Từ vựng

1 er



4

ger



2 er



5

er



3 er



6

er



2 Mẫu câu: So sánh ai hơn ai

taller /Who's/?

than /The boy/ is /the girl /taller



Unit 15: When's Children's Day?

Lesson 1

1 Từ vựng

1 Year  3 's Day 

2 's Day  4 

2 Hỏi đáp về một số ngày lễ đặc biệt trong năm

New Year /When's/?

January/It's /the first/ on/ of

Unit 15: When's Children's Day?

Lesson 2

1 Từ vựng

1 Banh Chung  4 grandparents 

2 decorate the  5 wear nice 

3 watch display  6 get money 

2 Mẫu câu: Hỏi đáp bạn làm gì vào dịp Tết

do /What/ do /you /at Tet/?

I /Banh Chung/ make